

Số: 06/2021/QĐST-DS

A, ngày 20 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 433, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp II N

Trụ sở: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T1 – Chủ tịch HĐQT

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ: Xóm T3, thôn N1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Xác định hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị T2 còn nợ Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N 61.932.000đ (Sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng), trong đó 36.324.000đ tiền mua phân bón và 25.608.000đ tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 04/10/2021.

2.2. Về thời hạn thanh toán: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H – bà Nguyễn Thị T2 trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm bắt đầu trả nợ được xác định vào ngày 20/12/2021, trả liên tiếp trong vòng 09 (Chín) tháng đến ngày 20/8/2022, mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Số tiền nợ còn lại 7.932.000đ sẽ trả dứt điểm vào ngày 20/9/2022.

Đến thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận mà vợ chồng ông H – bà T2 không trả tiền cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N thì phải trả tất cả số tiền còn nợ tại thời điểm vi phạm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Vợ chồng ông H – bà T2 tự nguyện chịu 1.548.500 (Một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2 N 908.000đ (Chín trăm linh tám nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004876 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Thị Kiều Oanh**